

NỘI DUNG 2: NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN NƯỚC TA BÀI 6&7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

I. Đặc điểm chung của địa hình

- Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp :
 - + Địa hình đồi núi chiếm 3/4 diện tích, đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích; địa hình đồng bằng và đồi núi thấp (dưới 1000 m) chiếm 85% diện tích.
 - + Địa hình núi cao (trên 2000 m) chiếm 1% diện tích cả nước.
 - Cấu trúc địa hình khá đa dạng:
 - + Địa hình nước ta có cấu trúc cổ được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại, tạo nên sự phân bậc rõ rệt theo độ cao, thấp dần từ tây bắc xuống đông nam và phân hóa đa dạng.
 - + Cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính: hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung (dẫn chứng). –
- Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa (chứng minh).
- Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người (chứng minh).

II. Các khu vực địa hình

1. Khu vực đồi núi:

Địa hình núi chia thành 4 vùng là: Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam.

a. Vùng núi Đông Bắc:

- Nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng với 4 cánh cung núi lớn: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều, chụm lại ở Tam Đảo, mở ra về phía bắc và phía đông.
- Theo hướng các dãy núi là hướng vòng cung của các thung lũng sông cầu, sông Thương, sông Lục Nam,...
- Hướng nghiêng chung tây bắc - đông nam. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
- Những đỉnh cao trên 2000 m nằm trên vùng Thượng nguồn sông Chảy. Giáp biên giới Việt-Trung là các khối núi đá vôi đồ sộ ở Hà Giang, Cao Bằng. Trung tâm là vùng đồi núi thấp 500 – 600 m.

b. Vùng núi Tây Bắc:

- Nằm giữa sông Hồng và sông Cả, có địa hình cao nhất nước ta.
- Có 3 dải địa hình chạy cùng hướng tây bắc - đông nam:

- + Phía đông là dãy núi cao đồ sộ Hoàng Liên Sơn, có đỉnh Phanxipăng (3143 m)
- + Phía tây là địa hình núi trung bình của các dãy núi chạy dọc biên giới Việt – Lào.
- + Ở giữa thấp hơn là các dãy núi, các sơn nguyên và cao nguyên đá vôi từ Phong Thổ đến Mộc Châu,... ; xen giữa các dãy núi là các thung lũng sông cùng hướng: sông Đà, sông Mã, sông Chu.

c. Vùng núi Trường Sơn Bắc:

- Giới hạn từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã, gồm các dãy núi song song và so le theo hướng tây bắc - đông nam.
- Địa hình Trường Sơn Bắc thấp và hẹp ngang, được nâng cao ở hai đầu:
- + Phía bắc là vùng núi Tây Nghệ An.
- + Ở giữa thấp trũng là vùng núi đá vôi Quảng Bình và vùng đồi núi thấp Quảng Trị.
- + Phía nam là vùng núi Tây Thừa Thiên - Huế. - Cuối cùng (dãy Bạch Mã) đâm ngang ra biển, là ranh giới với vùng núi Trường Sơn Nam.

d. Vùng núi Trường Sơn Nam:

- Gồm các khối núi và cao nguyên.
- Khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao, đồ sộ:
- + Địa hình núi với những đỉnh cao trên 2000 m nghiêng dần về phía đông tạo nên thế chênh vênh bên dải đồng bằng ven biển.
- + Tương phản với địa hình núi phía đông là bề mặt cao nguyên badan Plâyku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Di Linh tương đối bằng phẳng, có các bậc độ cao khoảng 500 - 800 – 1000 m và các bán bình nguyên xen đồi ở phía tây => Tạo nên sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn đông - tây của địa hình Nam Trường Sơn.

Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du: Nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

2.Khu vực đồng bằng:

a.Đồng bằng châu thổ sông: gồm đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

* Điểm giống nhau: Hai đồng bằng này được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên một vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.

* Điểm khác nhau:

Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long
---------------------	-------------------------

-Do phù sa của hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái bình bồi đắp, được khai phá từ lâu đời và biến đổi mạnh. -Diện tích: 15000 km². -Địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển, bề mặt bị chia cắt thành nhiều ô -Do có đê ven sông ngăn lũ: +Vùng trong đê không được bồi tụ phù sa, gồm các khu ruộng cao bạc màu và các ô trũng ngập nước. +Vùng ngoài đê được bồi tụ phù sa hằng năm.	-Được phù sa của sông Tiền, sông Hậu bồi tụ hằng năm. - Rộng hơn đồng bằng sông Hồng: diện tích 40000 km². -Địa hình thấp và bằng phẳng hơn -Bề mặt đồng bằng không có đê nhưng có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, mùa lũ nước ngập trên diện rộng, mùa cạn nước triều lấn mạnh làm cho 2/3 diện tích đồng bằng là đất mặn ,đất phèn. - Đồng bằng có các vùng trũng lớn như Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên ...chưa được bồi lấp xong
--	---

b.Đồng bằng ven biển :

- Dải đồng bằng ven biển miền Trung có tổng diện tích khoảng 15000 km².
- Biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành dải đồng bằng này nên đất ở đây thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
- Đồng bằng phân nhiều hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ, chỉ có vài đồng bằng mở rộng ở các cửa sông lớn như: đồng bằng Thanh Hóa (sông Mã, sông Chu), đồng bằng Nghệ An (sông Cả),...
- Ở nhiều đồng bằng thường có sự phân chia làm ba dải: giáp biển là cồn cát, đầm phá; giữa là vùng thấp trũng; dải trong cùng đã được bồi tụ thành đồng bằng.

III.Thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của các khu vực địa hình đối với phát triển kinh tế - xã hội:

1.Khu vực đồi núi:

a.Thế mạnh :

- Là nơi tập trung nhiều loại khoáng sản làm nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp.
- Rừng và đất trồng: tạo cơ sở để phát triển nền lâm - nông nghiệp nhiệt đới. Rừng giàu có về thành phần loài động thực vật; trong đó nhiều loài quý hiếm tiêu biểu cho sinh vật rừng nhiệt đới.
- Các cao nguyên và các thung lũng, vùng đồi trung du tạo thuận lợi cho việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, phát triển chăn nuôi đại gia súc và trồng cây lương thực.

- Nguồn thủy năng: các con sông ở miền núi nước ta có tiềm năng thủy điện rất lớn.
- Tiềm năng du lịch: khí hậu có sự phân hóa, phong cảnh đa dạng nên nhiều vùng núi đã trở thành các điểm nghỉ mát, du lịch nổi tiếng.

b. Hạn chế:

- Địa hình bị chia cắt mạnh, lắm sông suối, hẻm vực, sườn dốc gây trở ngại cho giao thông, cho việc khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế giữa các vùng.
- Nhiều thiên tai như lũ nguồn, lũ quét, xói mòn, trượt lở đất. - Tại các đứt gãy sâu còn có nguy cơ phát sinh động đất.
- Nơi khô nóng thường xảy ra nạn cháy rừng.
- Vùng núi đá vôi thiếu đất trồng trọt và thường khan hiếm nước vào mùa khô.

2.Khu vực đồng bằng:

a. Thế mạnh :

- Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hoá các loại nông sản, nông sản chính là lúa gạo.
- Cung cấp thủy sản, khoáng sản, lâm sản.
- Là điều kiện để tập trung các thành phố, khu công nghiệp, trung tâm thương mại.
- Phát triển giao thông đường bộ và đường sông.

b. Hạn chế: thiên tai thường xảy ra như bão, lụt, hạn hán,...

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Hãy nêu những đặc điểm chung của địa hình nước ta. CM: địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp.

Câu 2. Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc của nước ta. Các thế mạnh và hạn chế của vùng núi Đông Bắc đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. ** (Atlas 13)

Câu 3. Trình bày sự khác nhau về địa hình giữa vùng núi Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam. ** (Atlas 13,14)

Câu 4. Trình bày đặc điểm địa hình vùng Đồng bằng châu thổ sông Cửu Long của nước ta.

5. Trình bày sự khác nhau về địa hình giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.*

Câu 6. Chứng minh địa hình nước ta là địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 7. Trình bày thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của khu vực đồi núi đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 8. Trình bày thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của khu vực đồng bằng đối với phát triển kinh tế - xã hội.